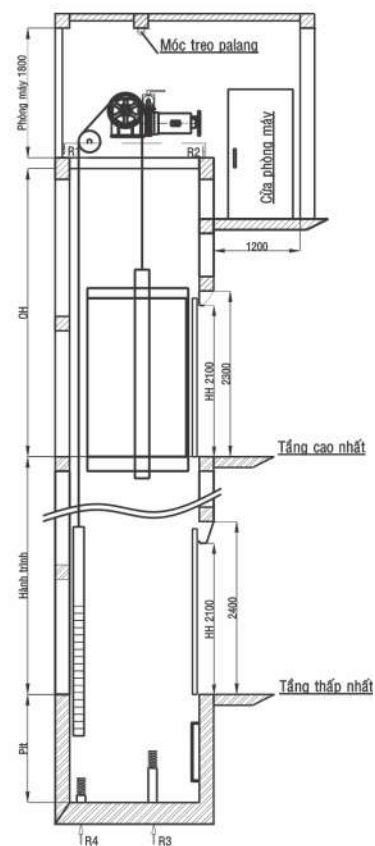
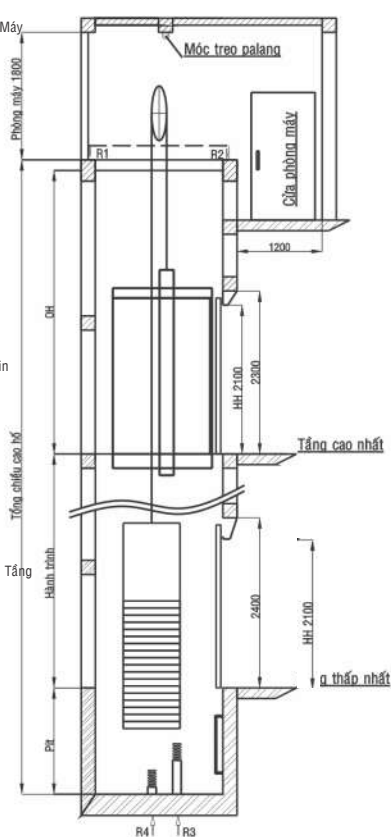
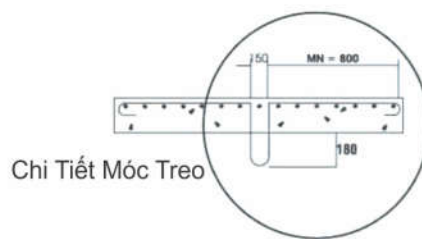
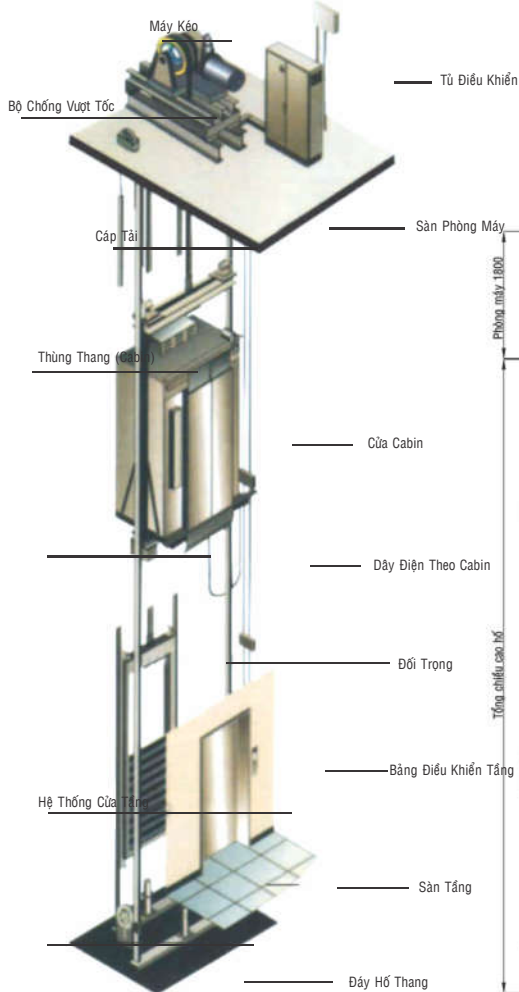
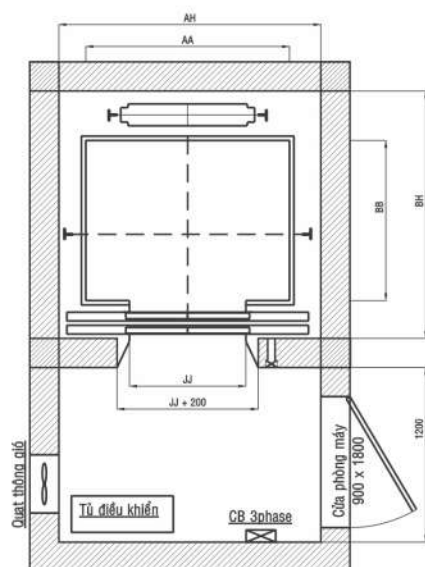


HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI CÓ PHÒNG MÁY

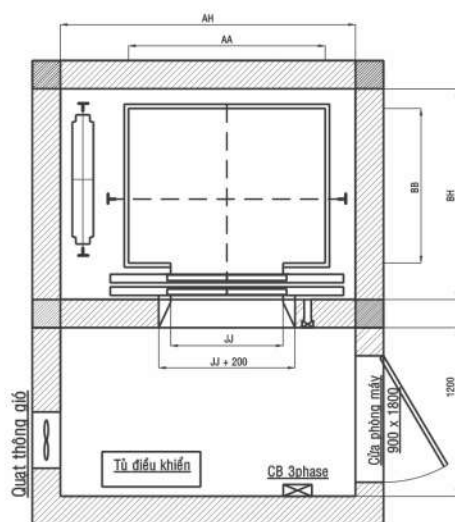
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỐI TRỌNG BÊN TRONG



BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
THANG TẢI KHÁCH CÓ PHÒNG MÁY

ĐÔI TRỌNG ĐÓT PHÍA SAU

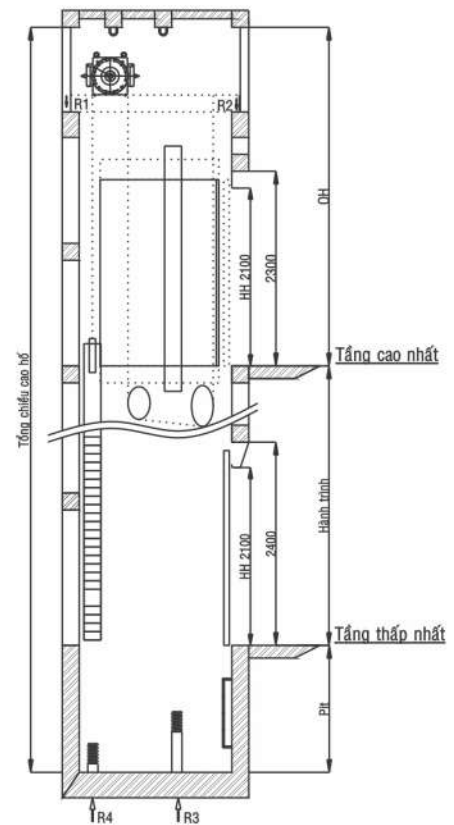
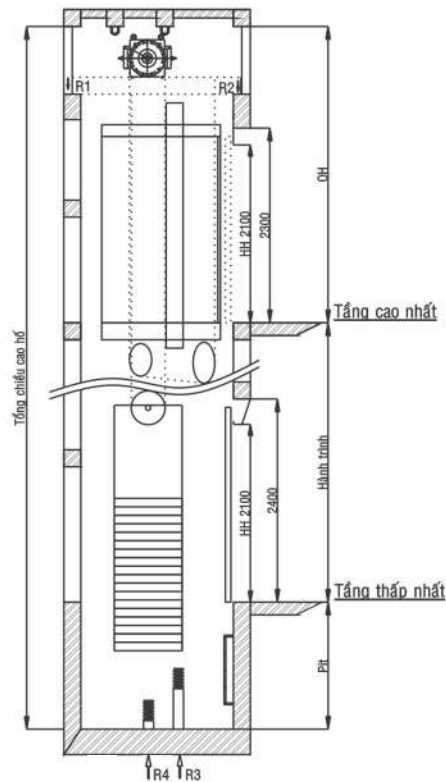
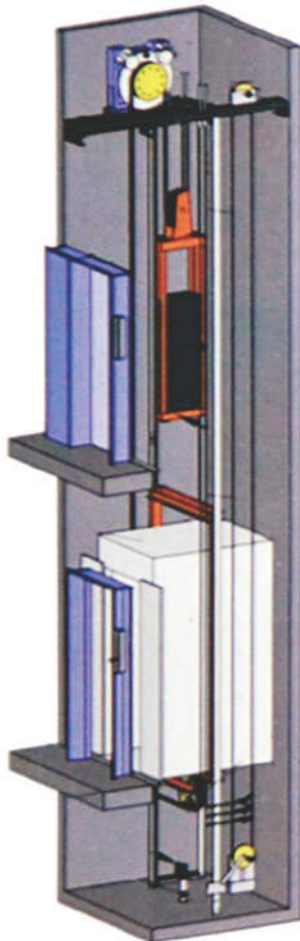
Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1500x1500	4000	1400
			90		1100x1000	1500x1600	4200	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1600x1500	4000	1400
				750x2100	1300x1000	1700x1600		
			90	800x2100	1400x900	1800x1500	4200	1500
					1400x1000	1800x1600		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4500	1600
				900x2100	1400x1300	1900x1900		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4500	1600
				900x2100	1400x1350	1900x2000		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2000x2100	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2100x2200	4500	1600
				1000x2100	1800x1700	2200x2400		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2300x2500	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2400x2600	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2500x2700		

ĐÔI TRỌNG ĐÓT BÊN HÔNG

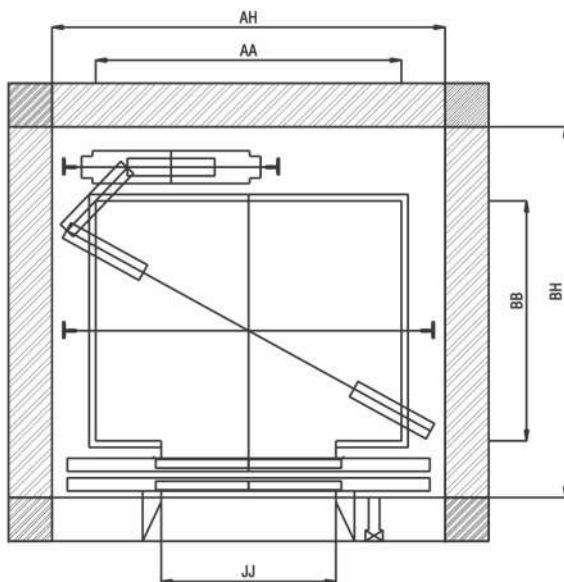
Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1800x1250	4000	1400
			90		1100x1000	1800x1350	4200	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1900x1350	4000	1400
				750x2100	1300x1000	2000x1350		
			90	800x2100	1400x900	2100x1350	4200	1500
					1400x1000	2100x1450		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	4500	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	4200	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	4500	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2400x1850	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2500x1950	4500	1600
				1000x2100	1800x1700	2600x2050		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2600x2200	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2700x2300	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2800x2400		

HỆ THỐNG THANG TẢI KHÁCH LOẠI KHÔNG CÓ PHÒNG MÁY

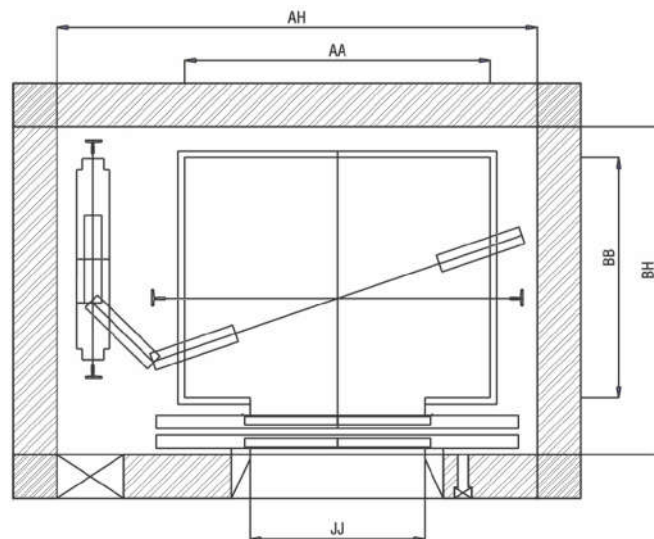
SƠ ĐỒ THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY



THANG TẢI KHÁCH ĐỔI TRỌNG PHÍA SAU



THANG TẢI KHÁCH ĐỔI TRỌNG BÊN HÔNG



**BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
THANG TẢI KHÁCH KHÔNG PHÒNG MÁY**

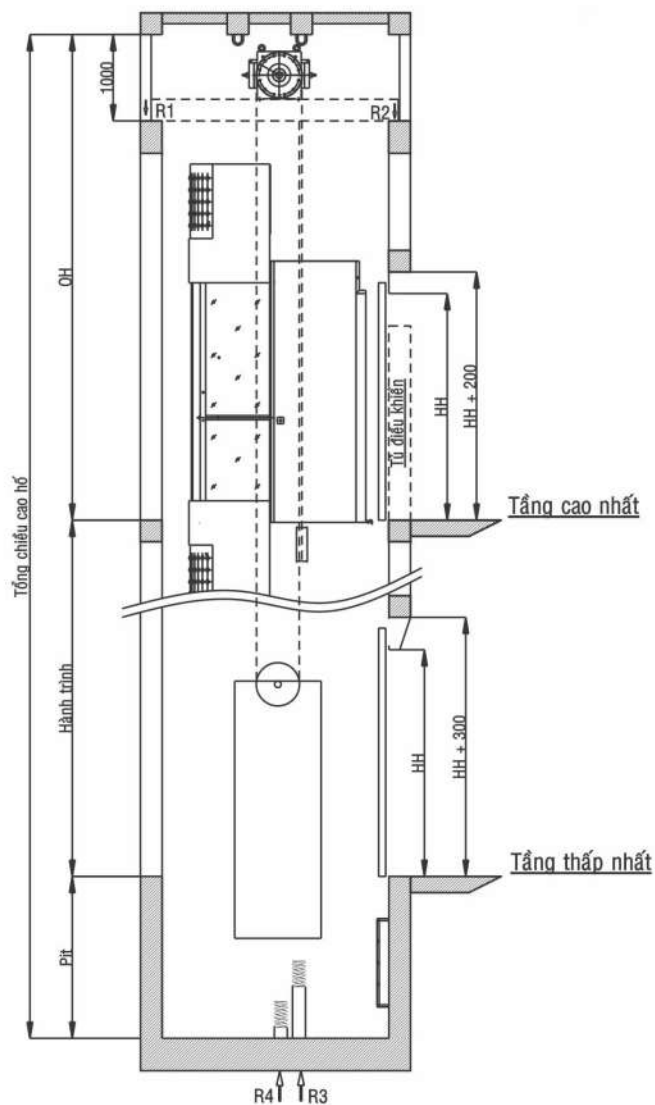
ĐÔI TRỌNG ĐÓT PHÍA SAU

Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1500x1500	3800	1400
			90		1100x1000	1500x1600	3900	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1600x1500	3800	1400
				750x2100	1300x1000	1700x1600		
			90	800x2100	1400x900	1800x1500	3900	1500
				800x2100	1400x1000	1800x1600		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4000	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4200	1600
				900x2100	1400x1300	1900x1900		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	1800x1700	4000	1500
			90	850x2100	1400x1200	1800x1800	4200	1600
				900x2100	1400x1350	1900x2000		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2000x2100	4200	1500
			90	950x2100	1700x1600	2100x2200	4400	1600
				1000x2100	1800x1700	2200x2400		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2300x2500	4300	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2400x2600	4500	1600
				1200x2100	2000x2000	2500x2700		

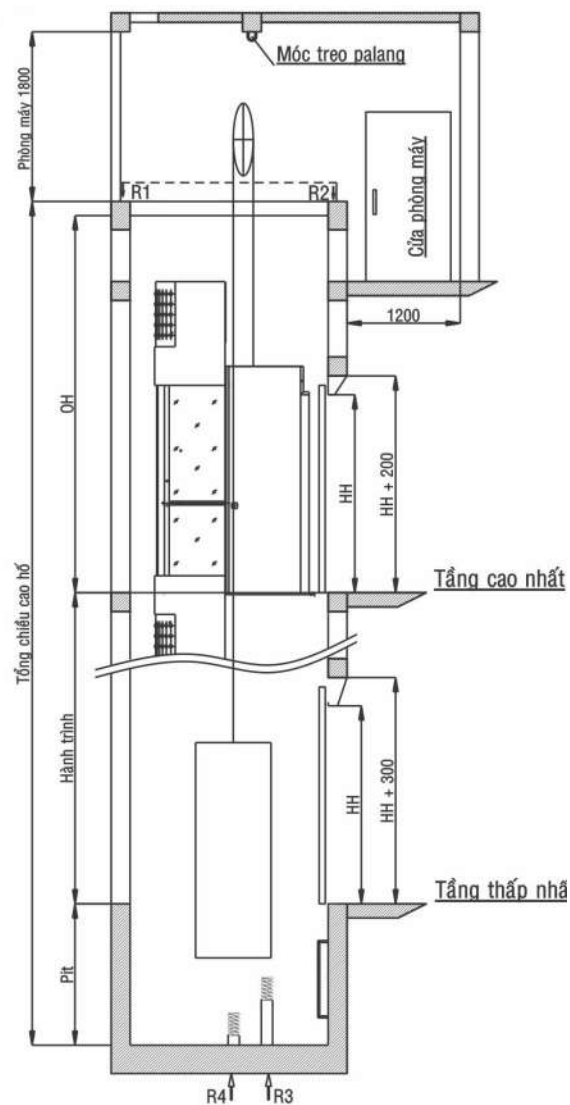
ĐÔI TRỌNG ĐÓT BÊN HÔNG

Mã hiệu	Tải trọng		Tốc độ (m/phút)	Cửa mở Rộng x Cao (JJ x H)	Cabin Rộng x sâu (AA x BB)	Hố thang		
	Kg	Người				Rộng x Sâu (AH x BH)	Chiều cao OH	Chiều sâu PIT
P4	300	4	60	700x2100	1100x900	1800x1250	3500	1400
			90		1100x1000	1800x1350	3600	1500
P6	450	6	60	700x2100	1200x1000	1900x1350	3600	1400
				750x2100	1300x1000	2000x1350		
			90	800x2100	1400x900	2100x1250	3700	1500
				800x2100	1400x1000	2100x1350		
P8	600	8	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	3700	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	3900	1600
				900x2100	1400x1300	2100x1650		
P10	750	10	60	800x2100	1400x1100	2100x1450	3700	1500
			90	850x2100	1400x1200	2100x1550	3900	1600
				900x2100	1400x1350	2200x1700		
P15	1000	15	60	900x2100	1600x1500	2400x1850	3900	1500
			90	950x2100	1700x1600	2500x1950	4100	1600
				1000x2100	1800x1700	2600x2050		
P20	1500	20	60	1000x2100	1800x1800	2600x2200	4100	1600
			90	1100x2100	1900x1900	2700x2300	4200	1600
				1200x2100	2000x2000	2800x2400		

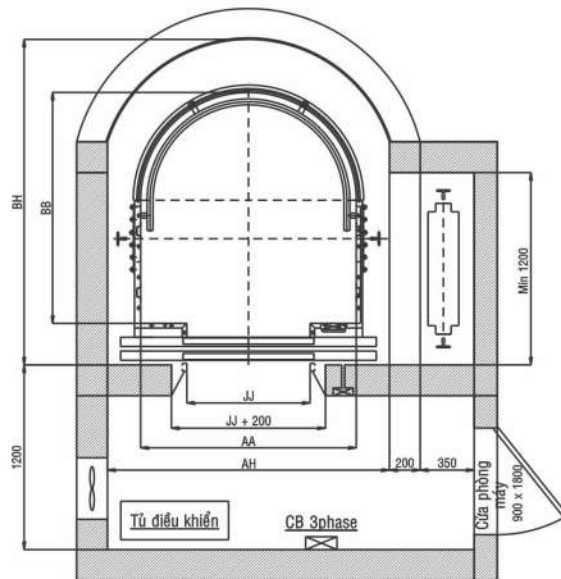
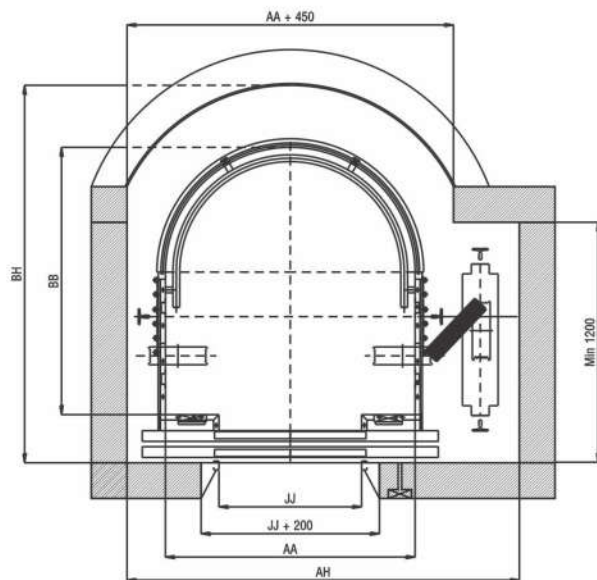
HỆ THỐNG THANG LỒNG KÍNH



Thang không phòng máy



Thang có phòng máy



THANG LỒNG KÍNH

Các Loại Thang Lồng Kính



HS-LK01



HS-LK02



HS-LK03



HS-LK04



HS-LK05



HS-LK06

THANG LỒNG KÍNH



HS-LK07



HS-LK08



HS-LK09

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH CÓ PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	1650 x 1600	4200/1500
			90				4400/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	1850 x 2000	4200/1500
			90				4400/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	1850 x 2100	4200/1500
			90				4400/1600

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG LỒNG KÍNH KHÔNG PHÒNG MÁY

Mã HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	NGƯỜI	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
				Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
P8	600	8	60	700 x 2100	1200 x 1200	2000 x 1800	4600/1500
			90				4800/1600
P10	750	10	60	800 x 2100	1400 x 1350	2200 x 2000	4600/1500
			90				4800/1600
P15	1000	15	60	800 x 2100	1400 x 1500	2200 x 2100	4600/1500
			90				4800/1600

THANG TẢI HÀNG



Thang tải hàng có người đi - 3000kg



Tải hàng có người đi - 3000kg

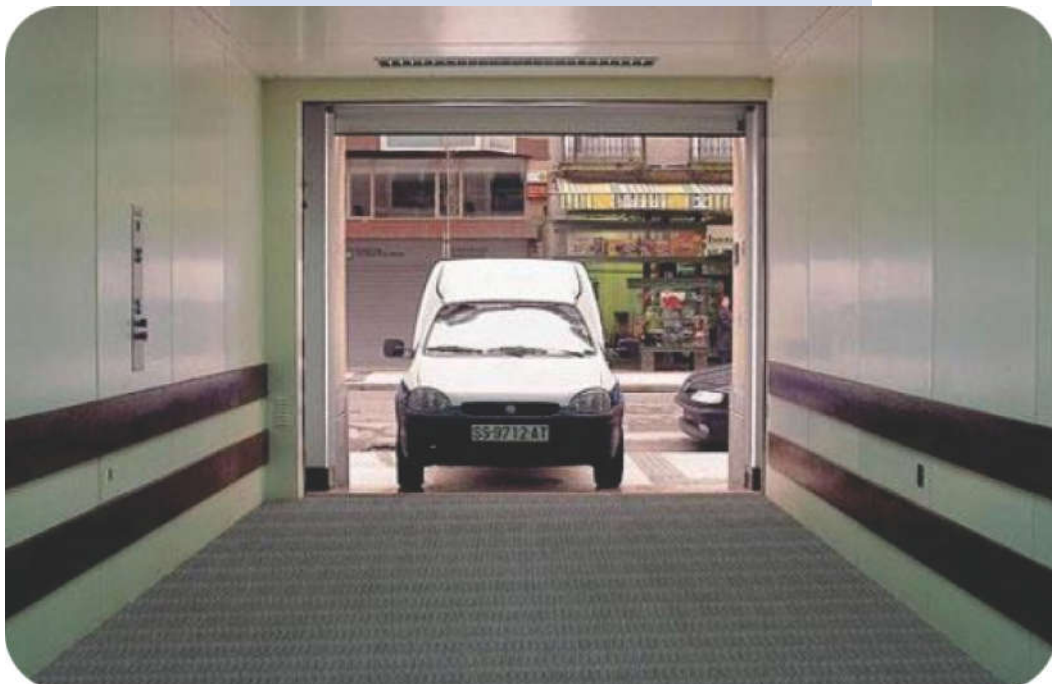


Các vách inox sọc nhuyễn -
có gắn thanh chống va đập

THANG TẢI Ô TÔ



Thiết Kế Và Sản Xuất Thang Tải Ô Tô



THANG TẢI THỰC PHẨM

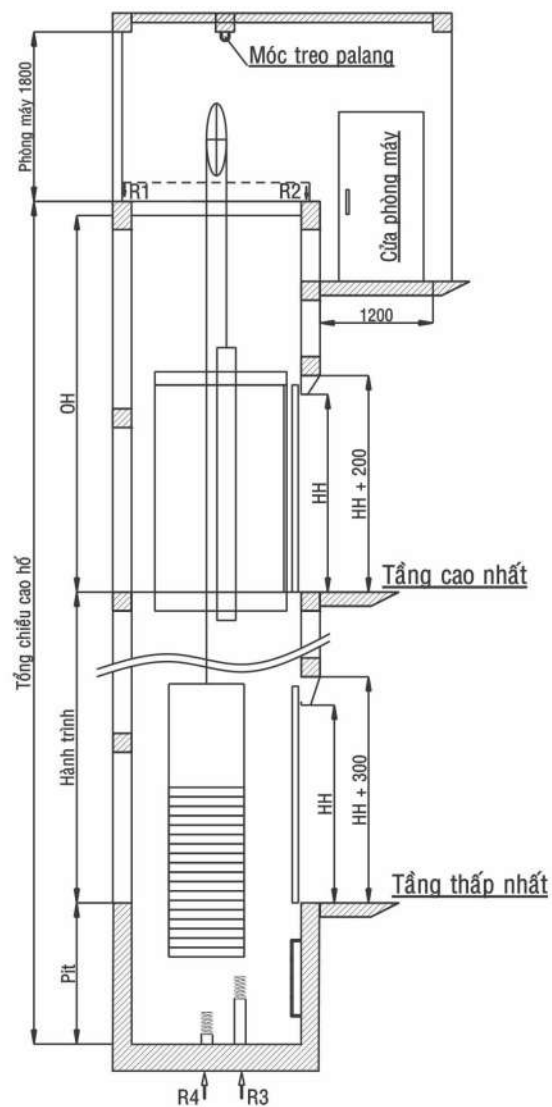


Thang máy tải Thực Phẩm HISA là phù hợp nhất cho việc vận chuyển các đồ dùng của nhà bếp, các loại thức ăn, thức uống trong các Nhà Hàng, Khách Sạn, những vật dụng hàng hóa đơn giản trong các Siêu Thị, Trung Tâm Thương Mại, những vật dụng đơn giản như Hồ Sơ, Sách, Báo trong các Ngân Hàng, Thư Viện, Văn Phòng, v.v...

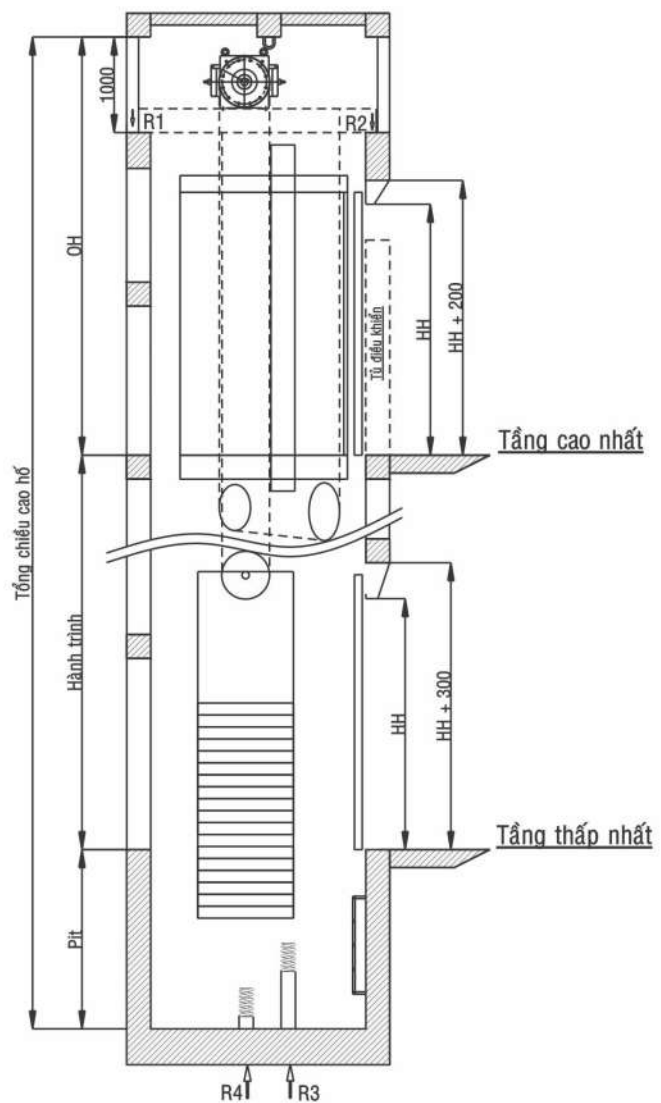


Sản xuất theo nhu cầu sử dụng của các Khách Hàng về tải trọng, kích thước, tốc độ...

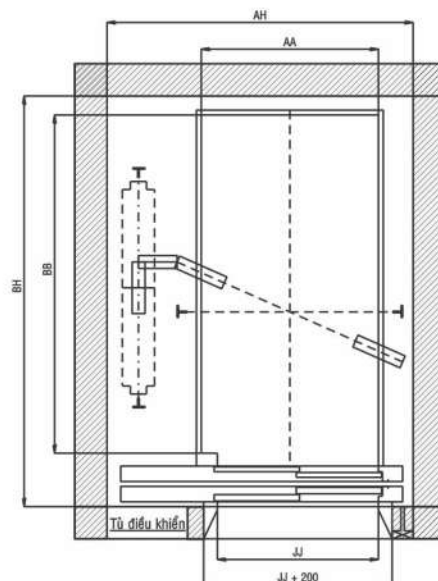
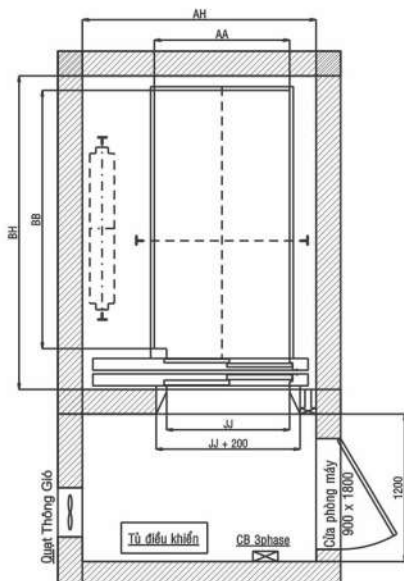
HỆ THỐNG THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH



Thang có phòng máy



Thang không phòng máy



THANG Y TẾ (TẢI BỆNH NHÂN VÀ GIƯỜNG BỆNH)



THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH



**THANG TẢI BỆNH NHÂN VÀ GIƯỜNG BỆNH - KHU MŨI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC BÌNH - TỈNH BÌNH THUẬN**

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH CÓ PHÒNG MÁY

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	1900 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2100 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2200 x 2800	4200/1400
		90				4400/1500

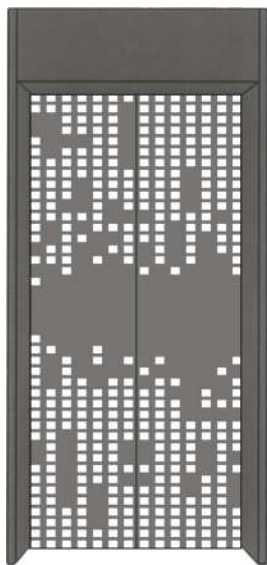
BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT THANG TẢI GIƯỜNG BỆNH KHÔNG PHÒNG MÁY

MÃ HIỆU	TẢI TRỌNG Kg	TỐC ĐỘ m/phút	KÍCH THƯỚC (mm)			
			Cửa mở JJ x HH	Cabin AA x BB	Hố thang AH x BH	OH/Pit
B1000	1000	60	1000 x 2100	1100 x 2100	2000 x 2550	4200/1400
		90				4400/1500
B1350	1350	60	1100 x 2100	1300 x 2300	2200 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500
B1500	1500	60	1200 x 2100	1400 x 2300	2300 x 2800	4200/1500
		90				4400/1500

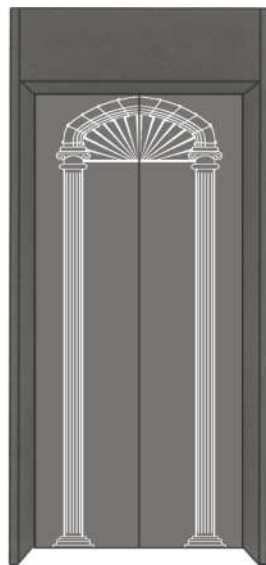
MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)

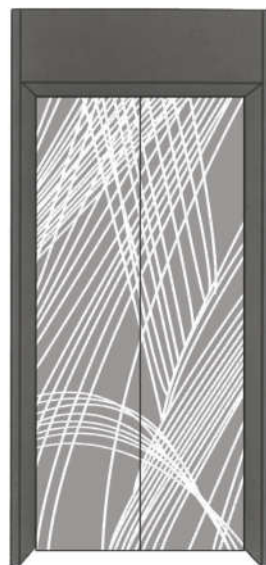
Hotline/ Vui lòng liên hệ: 0913 71 75 77



HS - 1A



HS - 1B



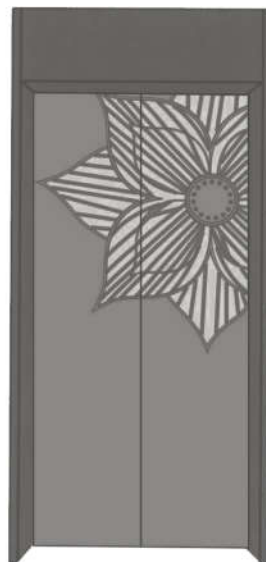
HS - 1C



HS - 1D



HS - 2A



HS - 2B



HS - 2C



HS - 2D

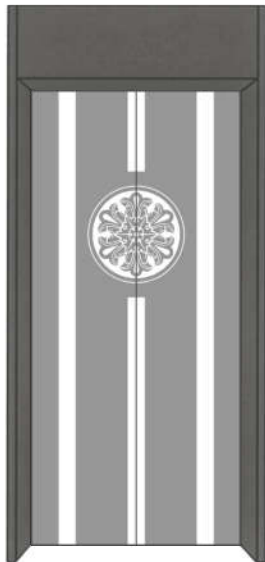
VẬT LIỆU: INOX SẠC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

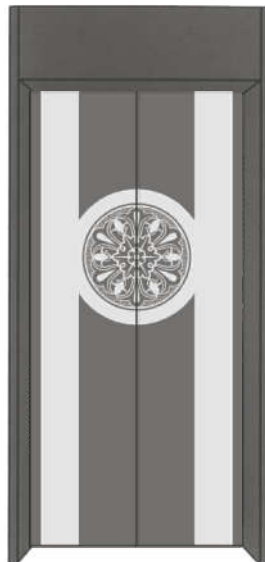
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



HS - 3A



HS - 3B



HS - 3C



HS - 3D



HS - 4A



HS - 4B



HS - 4C

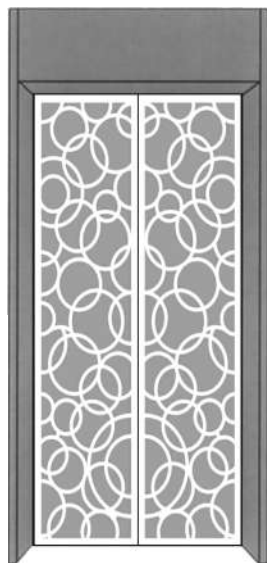


HS - 4D

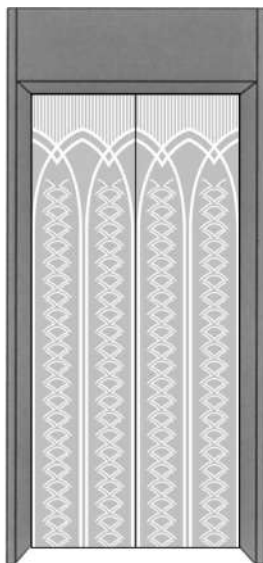
VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

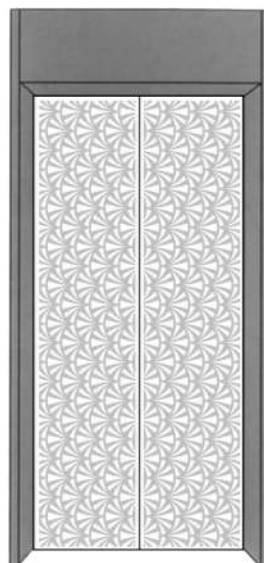
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



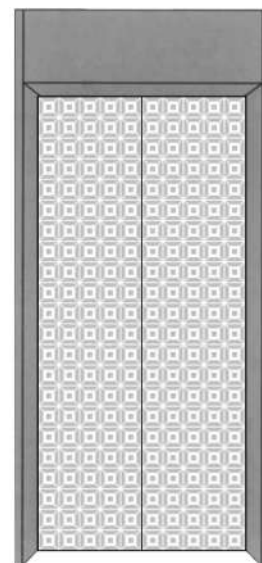
HS - 5A



HS - 5B



HS - 5C



HS - 5D



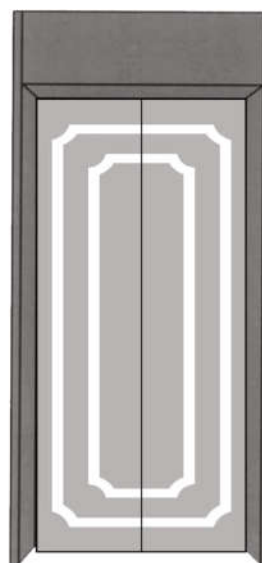
HS - 6A



HS - 6B



HS - 6C

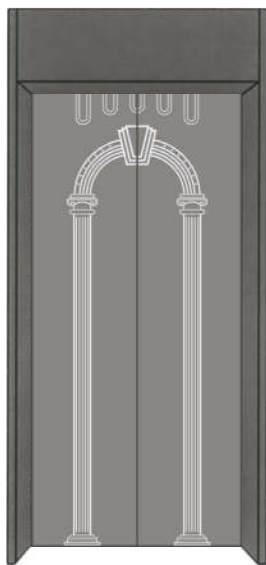


HS - 6D

VẬT LIỆU: INOX SỌC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

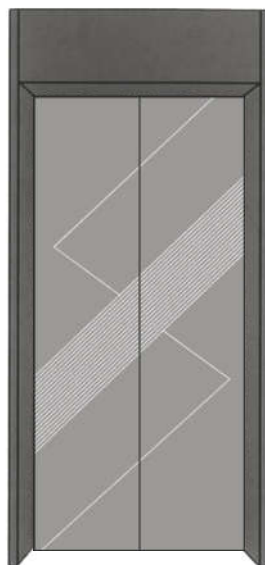
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



HS - 7A



HS - 7B



HS - 7C



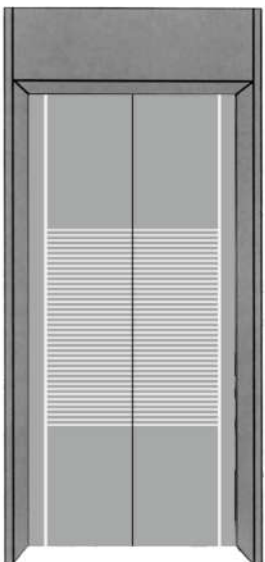
HS - 7D



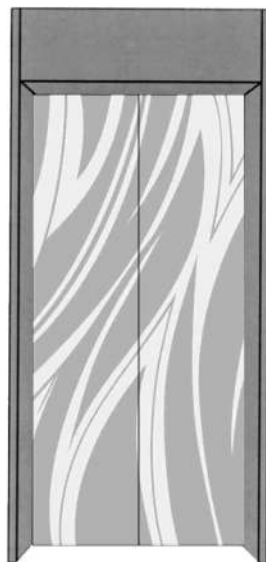
HS - 8A



HS - 8B



HS - 8C

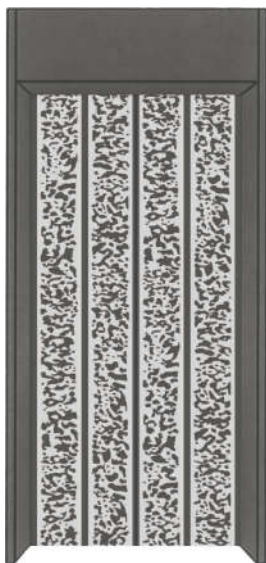


HS - 8D

VẬT LIỆU: INOX SỌC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đó)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



HS - 9A



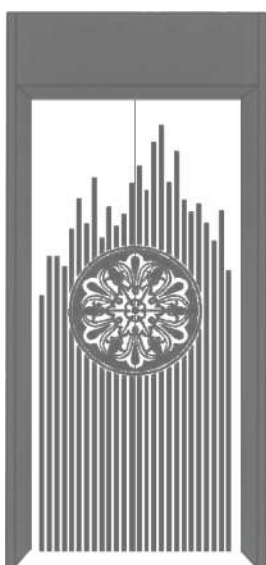
HS - 9B



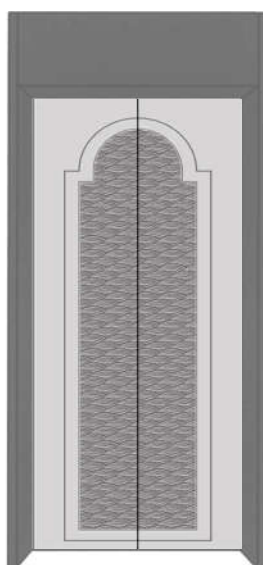
HS - 9C



HS - 9D



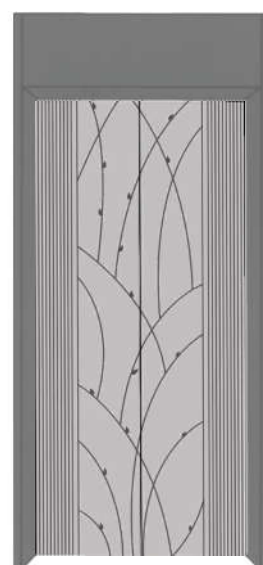
HS - 10A



HS - 10B



HS - 10C



HS - 10D

VẬT LIỆU: INOX SỌC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



HS - 11A



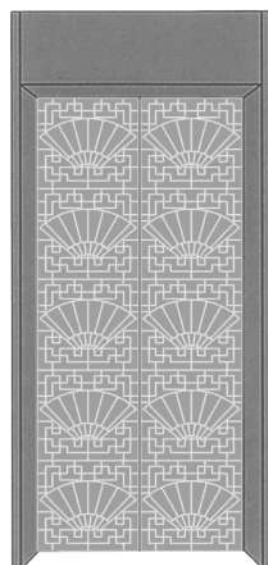
HS - 11B



HS - 11C



HS - 11D



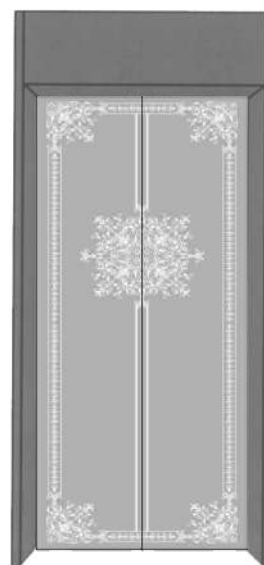
HS - 12A



HS - 12B



HS - 12C

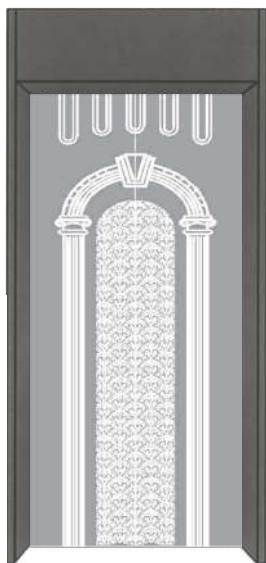


HS - 12D

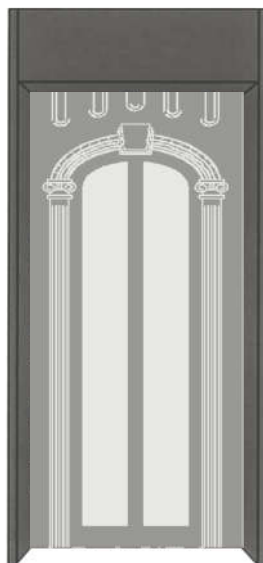
VẬT LIỆU: INOX SỌC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

MẪU HOA VĂN CỬA TẦNG

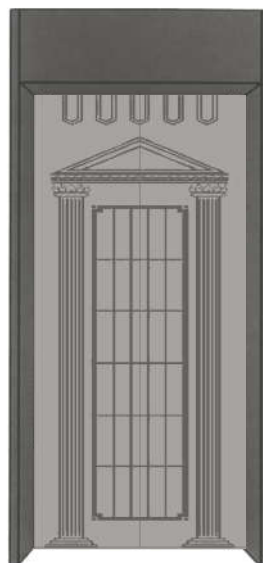
(LOẠI VẬT LIỆU INOX KHÁCH HÀNG TÙY CHỌN)



HS - 13A



HS - 13B



HS - 13C

VẬT LIỆU: INOX SỢC NHUYỄN / INOX GƯƠNG => Màu trắng, màu vàng, màu đồng
(Inox màu nào ăn mòn màu đỏ)

CÁC LOẠI CỬA TẦNG VÀ LOẠI VẬT LIỆU



Khung bản rộng vát 02 chiều
Cửa mở tím: inox gương trắng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tím: inox gương vàng



Bản rộng vát 02 chiều tấm trắng cao
Cửa mở tím: inox gương đồng



Khung bản hẹp
Cửa mở tím: inox sọc trắng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tím: inox sọc vàng



Khung bản rộng vát 03 chiều
Cửa mở tím: inox sọc đồng

CÁC LOẠI CỬA TẦNG



Cửa kính cường lực mở tim



Cửa lùa về 1 phía
inox gương ăn mòn hoa văn



Cửa lùa về 1 phía
kính cường lực



Cửa bản lề mở ra
kính cường lực

CÁC LOẠI CỬA TẦNG



Cửa mở tim 4 cánh



Cửa mở lên 3 cánh

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



Cabin: Toàn bộ inox sọc nhẵn
HS-CB01



Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương
xen inox sọc nhẵn hai bên
HS-CB02

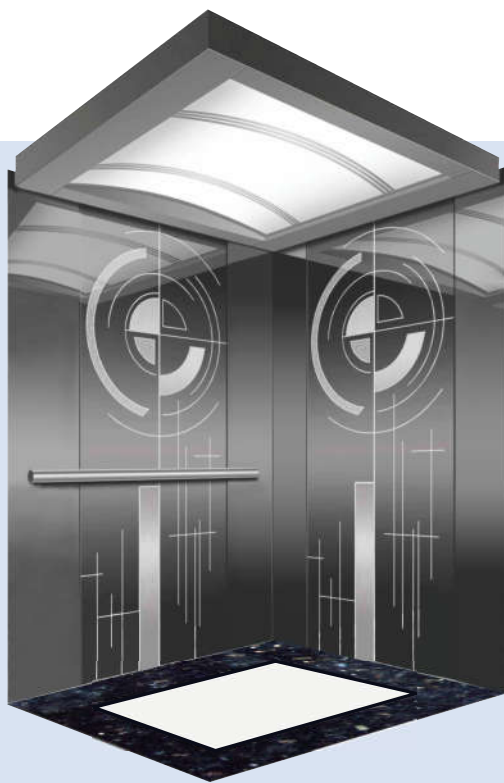


Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
HS-CB03

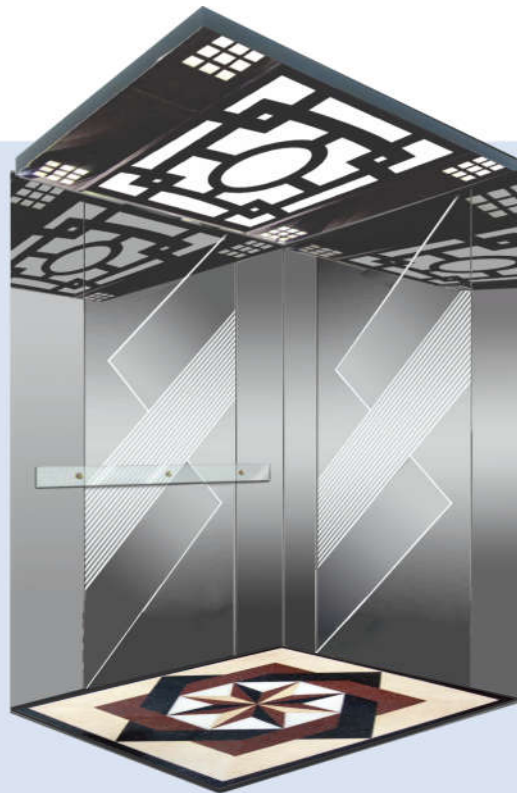


Cabin: Tấm lớn ở giữa inox gương hoa văn
xen inox gương hai bên
HS-CB04

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



HS-CB05



HS-CB06



HS-CB07



HS-CB08

CÁC LOẠI CABIN (THANG TẢI KHÁCH)



HS-CB09



HS-CB10



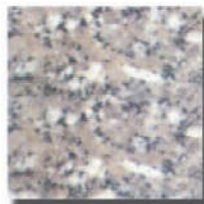
HS-CB11



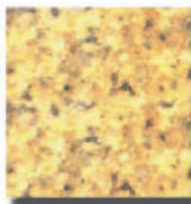
HS-CB12

MẪU SÀN ĐÁ GRANITE CABIN

Sàn Cabin Đá Granite



Trắng Núi Le



Vàng Bình Định



Đỏ Ấn Độ



Đỏ Nhân Tạo



Trắng Bình Định



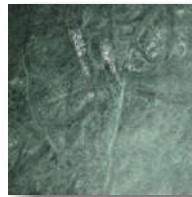
Vàng Bướm



Đen kim sa



Trắng Vân Mây



Xanh Ý



Đá ghép: Trắng sứ viền đen

Sàn Cabin Đá Hoa Văn



HS - GS001



HS - GS002



HS - GS003



HS - GS004



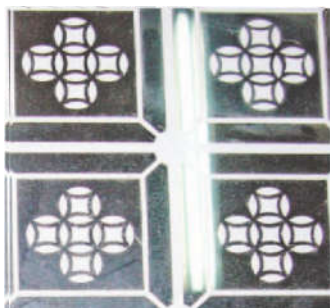
HS - GS005



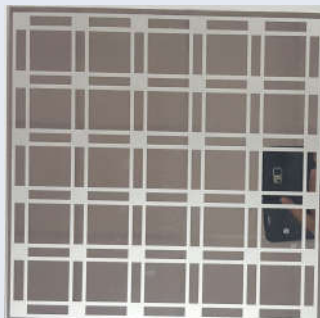
HS - GS007

GHI CHÚ: Kiểu đá hoa văn có thể thay đổi một ít theo từng đợt nhập hàng

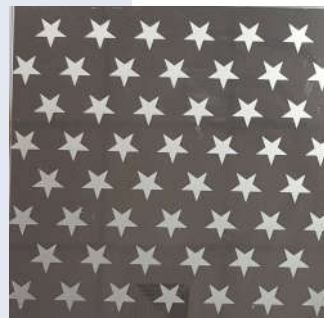
MẪU INOX HOA VĂN



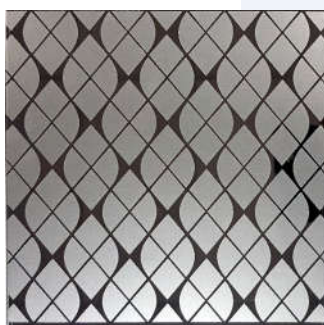
HS-CW001



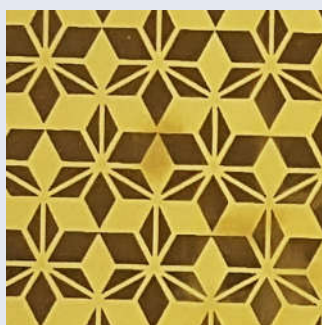
HS-CW002



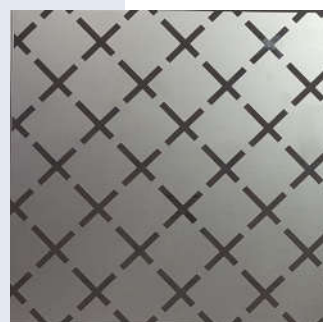
HS-CW003



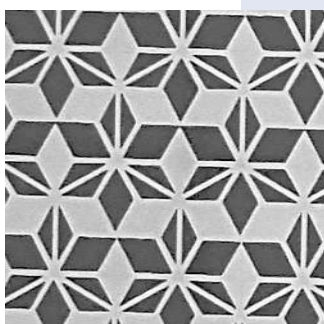
HS-CW004



HS-CWN005



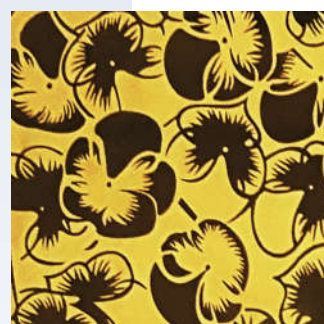
HS-CW006



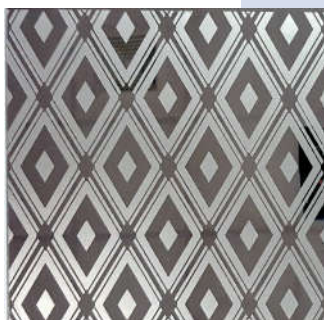
HS-CWN007



HS-CW008



HS-CWN009



HS-CW010



HS-CW011

MẪU LAMINATE



B105



B108



C103



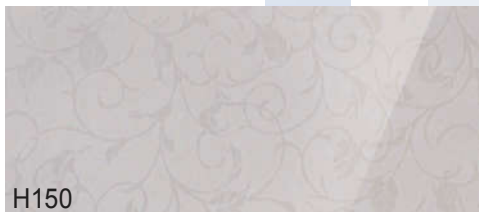
WB 108



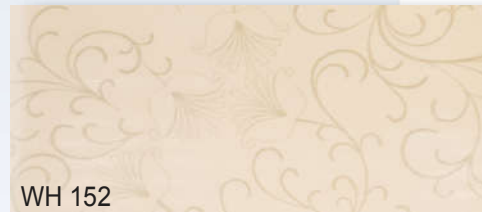
H154



WB 109



H150

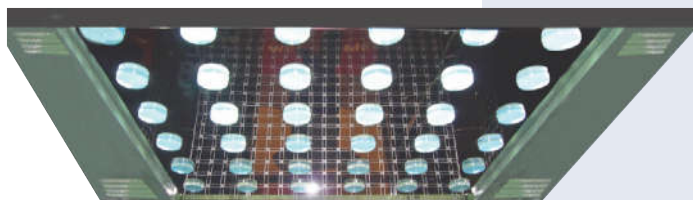


WH 152



H153

MẪU TRẦN GIẢ



HS-TA001



HS-TA002



HS-TA003



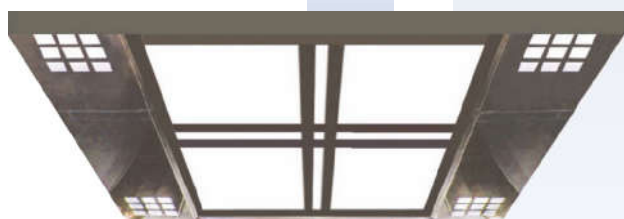
HS-TA004



HS-TA005



HS-TA006



HS-PV001



HS-PV002

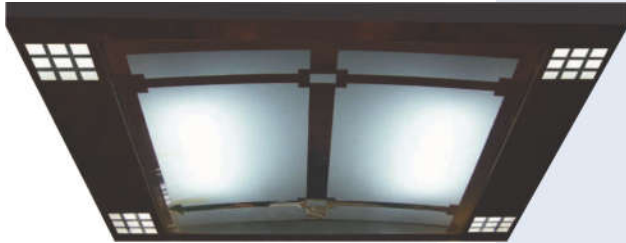


HS-PV003



HS-PV004

MẪU TRẦN GIẢ



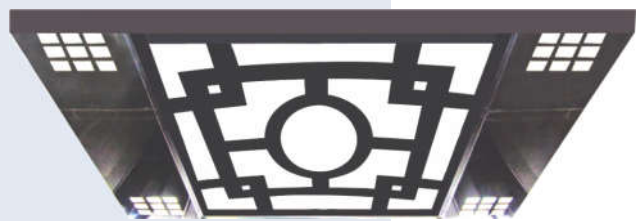
HS-PV005



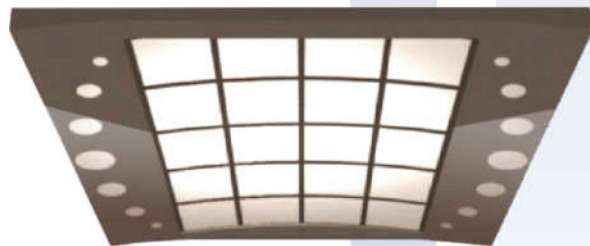
HS-PV006



HS-PV007



HS-PV008



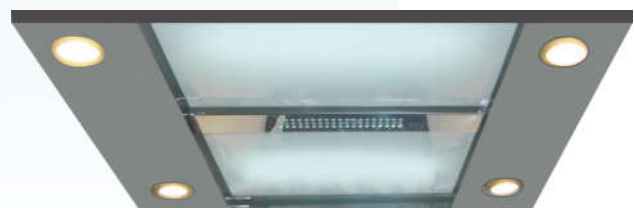
HS-PV009



HS-PV010



HS-PV011



HS-PV012

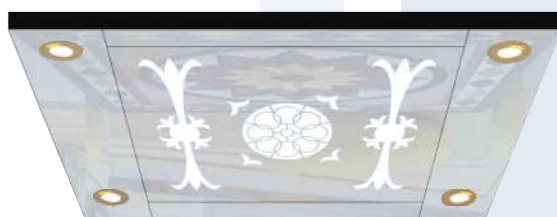
MẪU TRẦN GIẢ



HS -PV013



HS -PV014



HS -PV015



HS -PV016



HS -PV017



HS -PV018



HS -PV019



HS -PV020

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

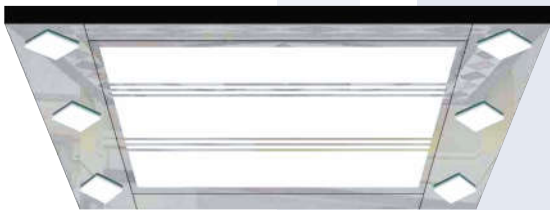
MẪU TRẦN GIẢ



HS - PV021



HS - PV022



HS - PV023



HS - PV024



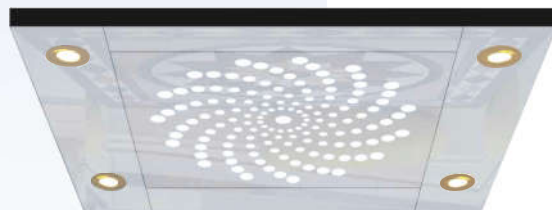
HS - PV025



HS - PV026



HS - PV027



HS - PV028

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ



HS - PV029



HS - PV030



HS - PV031

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ



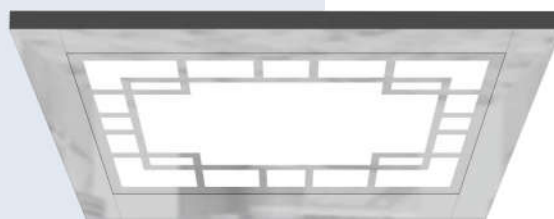
HS - PV032



HS - PV033



HS - PV034



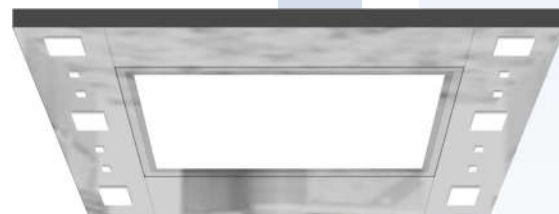
HS - PV035



HS - PV036



HS - PV037



HS - PV038



HS - PV039

VẬT LIỆU: Inox gương / sọc, màu trắng / vàng

MẪU TRẦN GIẢ DÁN DECAL

INOX GƯƠNG TRẮNG (SỌC TRẮNG)



HS - PV040



HS - PV041



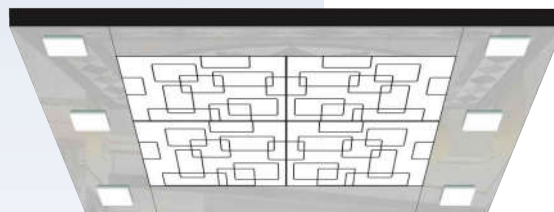
HS - PV042



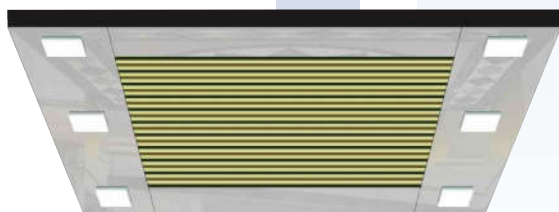
HS - PV043



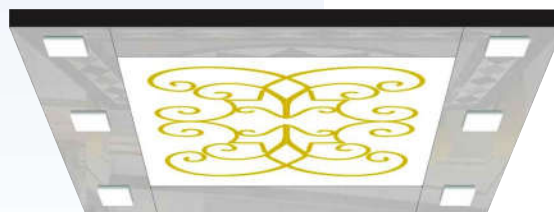
HS - PV044



HS - PV045



HS - PV046



HS - PV047

BUTTON CABIN

(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)



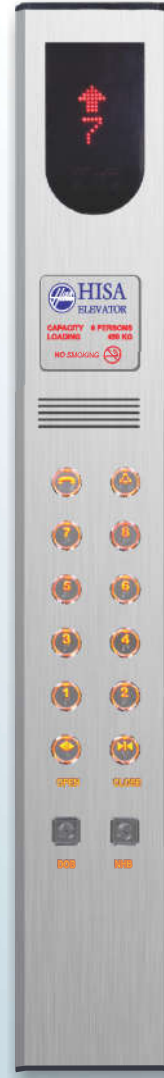
HS-BT01



HS-BT02



HS-BT03



HS-BT04



HS-BT05

BUTTON CABIN

(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)



HS-BT06



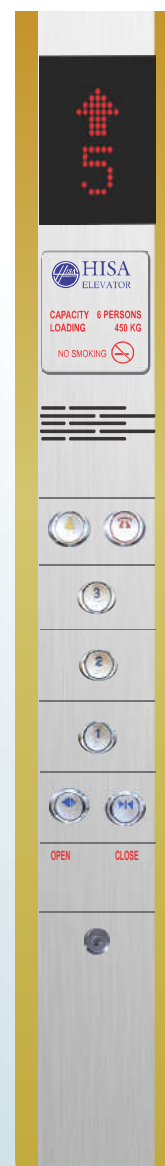
HS-BT07



HS-BT08



HS-BT09



HS-BT10

BUTTON CABIN VÀ TẦNG

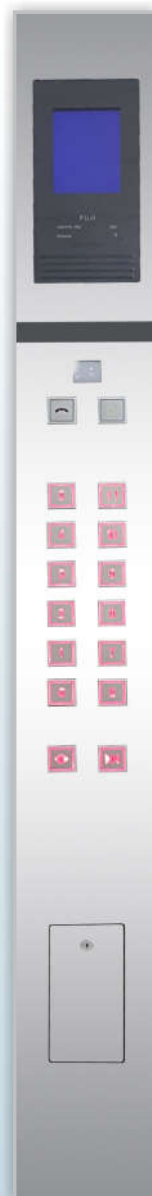
(Nút nhấn được bao gồm theo mẫu nhập)



COP630



CEC260



COP08



COP1020B

BUTTON TÀNG

(Nút nhấn và hiển thị tùy chọn)



HS-FB01



HS-FB02



HS-FB03



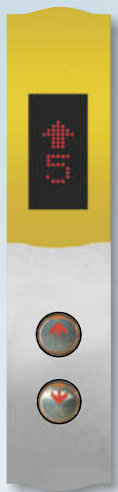
HS-FB04



HS-FB05



HS-FB06



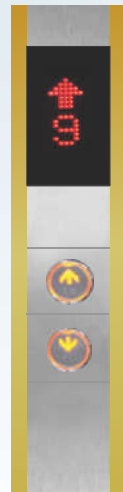
HS-FB07



HS-FB08



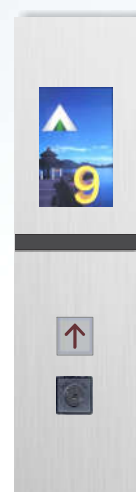
HS-FB09



HS-FB10



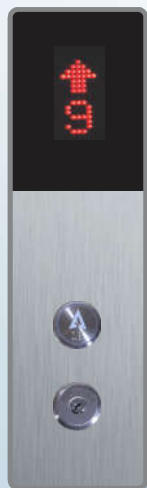
EH 1020B



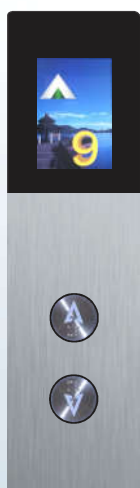
LOP08

BUTTON TẦNG KHÔNG HỘP ÂM

(Nút nhấn đồng bộ theo button)



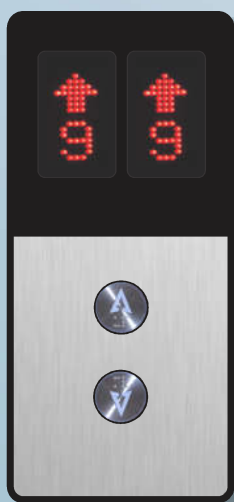
LSC260



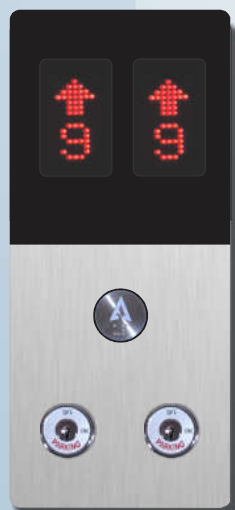
LSC260(LCD)



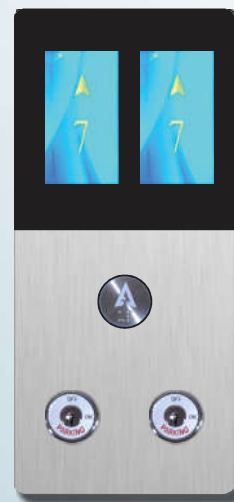
BXG262



Duplex BBG262



Duplex DSC260S



Duplex DSC260S
(LCD)

Chú ý:- Các Button tầng không hộp âm chỉ dùng được board Step và nút nhấn PB31
- Button tầng BXG262 dùng được board Step hoặc Nippon

MẪU TAY VỊN CABIN



HS - H003



HS - H006



HS - H003G



HS - H007



HS - 3H003



HS - H004



HS - 3H003G



HS - H004G

MẪU NÚT NHẤN



VUÔNG TQ



LA 3024



3929



VUÔNG BT3328S



PB 31



BQ



MAN100



BA 530



BA 531



OVAL EMR100



OVAL TWS



EB 111



35CA-B



35CCO



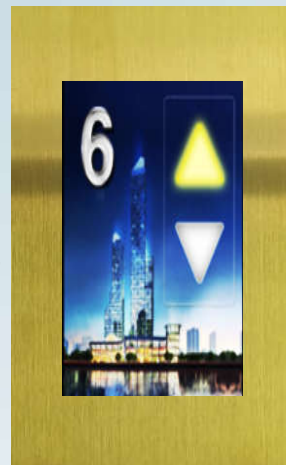
EBR-01



EB 410

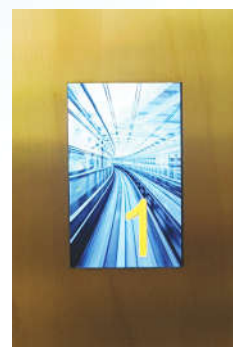
MẪU HIỂN THỊ LCD

HIỂN THỊ LCD CABIN



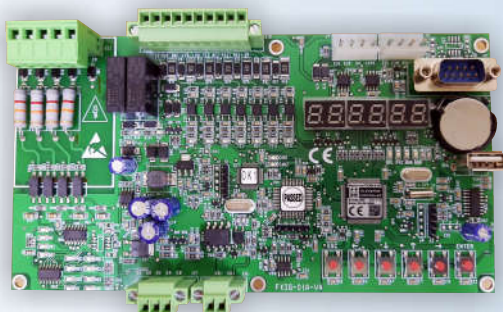
CFC-2402-P _ 7"

HIỂN THỊ LCD TẦNG



CFH-2401-P _ 4.3"

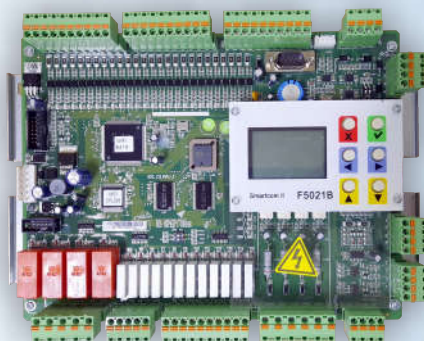
CÁC LOẠI HỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ BIẾN TẦN (VVVF)



Bộ vi xử lý FX3G



PLC - Mitsubishi (Nhật Bản)



Bộ vi xử lý STEP (Loại thế hệ mới dùng cho thang tốc độ cao từ 80m/p trở lên)



VVVF:FUJI - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)



VVVF:YASKAWA - JAPAN (Nhật Bản)
(Loại chuyên dùng cho thang máy)

Bộ điều khiển thang máy VVV

Công suất: 3.7 - 37 KW

- Máy kéo có hộp số
- Máy kéo không hộp số
- Các chế độ hoạt động:
 - * Điều khiển từ thông vòng hở
 - * Điều khiển từ thông vòng kín
 - * Điều khiển động cơ servo
- Hoạt động với nguồn cung cấp DC (ắc quy) khi mất điện.

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



TỦ ĐIỆN PLC FX3G + VVVF YASKAWA
(W600 X D300 X H1260)



TỦ ĐIỆN CAO PLC FX3G + VVVF FUJI
(W340 X D240 X H1800)

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



TỦ ĐIỆN BOARD STEP F5021 + VVVF FUJI
(W600 X D300 X H1260)



TỦ ĐIỆN STEP - THAILAND
(W700 X D350 X H1200)

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



TỦ ĐIỆN FUJI- MALAYSIA
(W600 X D330 X H1150)



TỦ ĐIỆN CAO FUJI- MALAYSIA
(W340 X D230 X H1720)

CÁC LOẠI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



TỦ ĐIỆN NIPPON - NICE 3000
(W540 X D240 X H1100)



TỦ CỨU HỘ (ARD) HISA SẢN XUẤT
(W400 X D210 X H630)

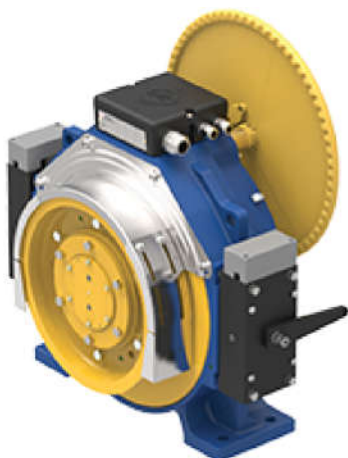
CÁC CHỨC NĂNG VẬN HÀNH CỦA THANG MÁY HISA

CHỨC NĂNG	TÍNH NĂNG HOẠT ĐỘNG
Hệ Thống Điều Khiển Thang Máy	Điều khiển nhớ 2 chiều (lên và xuống), xử lý tín hiệu gọi tầng theo trình tự ưu tiên chiều đang hoạt động. Điều khiển nhóm: Hệ thống xử lý tín hiệu liên kết nhóm 2 thang hoặc 3 thang để tối ưu hóa việc đáp ứng các cuộc gọi về mặt thời gian chờ, năng suất phục vụ và diện năng tiêu thụ. Điều khiển ưu tiên: Cho phép vận hành bên trong phòng thang, các bảng gọi tầng mất tác dụng. Cửa tự động mở nhưng không tự động đóng lại. Dừng cho mục đích kiểm tra, đưa đón khách...vv Điều khiển chỉ định: Phòng thang sẽ tự động chạy về tầng chỉ định sau khi đã đáp ứng lệnh gọi sau cùng dừng chỗ ở đó với cửa đóng.
Hệ Thống Báo Quá Tải Trọng Cho Phép	Khi thang vượt quá tải trọng cho phép. Hệ thống báo quá tải sẽ kích hoạt cửa tự động mở ra (đối với cửa tự động) đồng thời bảng điều khiển hiển thị chữ OVL, còi báo quá tải sẽ kêu lên liên tục cho đến khi giảm tải đến dưới mức cho phép: Còi và đèn báo sẽ tắt và thang sẽ tiếp tục hoạt động bình thường.
Hệ Thống An Toàn Cửa	Hệ thống tế bào quang điện(mắt thần) là loại cao cấp (photocell:loại thanh dài, độ nhạy cao) không cho cửa đóng lại khi gặp vật cản cửa phòng thang sẽ mở ra đảm bảo an toàn cho hành khách.
Hệ Thống Đèn Báo Chiều - Báo Tầng - Chuông Dừng Tầng	Dùng đèn hiển thị kỹ thuật số (LED 7 đoạn và mũi tên) hoặc đèn matrix (ma trận điểm) hiển thị vị trí của phòng thang, hướng thang đang di chuyển và chuông điện tử trên đầu car báo hiệu mỗi khi thang dừng tầng.
Hệ Thống Tự Động Tắt Mở Đèn Quạt	Thang máy được lập trình tự động tắt đèn/ quạt trong car (cabin) sau khoảng thời gian 10 phút không sử dụng thang để tiết kiệm điện. Khi có lệnh gọi thang đèn/ quạt sẽ tự động sáng lại.
Hệ Thống Chuông Báo Cấp Cứu	Khi thang máy có sự cố, khách trong thang cần liên hệ với bộ phận trực bên ngoài chỉ cần ấn nút vào nút  để liên hệ với bộ phận trực có trách nhiệm sẽ xử lý đưa khách ra ngoài.
Hệ Thống Cứu Hộ Tự Động	Sử dụng khi mất điện đột xuất, thang máy sẽ tự động dừng ở tầng gần nhất và mở cửa cho khách ra ngoài. Nguồn điện ắc quy dự trữ sẽ tự động nạp lại khi có điện.
Hệ thống Cứu hộ Khi có cháy	Khi tín hiệu báo cháy được kích hoạt, thang sẽ tự động di chuyển đến tầng mặc định là tầng trệt dừng lại và mở cửa cho khách ra ngoài. Tầng mặc định có thể cài đặt tùy yêu cầu thực tế

CÁC LOẠI MÁY KÉO



MGX75



MGX80

MÁY KÉO MONTANARI, SẢN XUẤT TẠI Ý



MGV25S



M73

MÁY KÉO FUJI SẢN XUẤT TẠI MALAYSIA



FJD1-B 3.0KW



FJD1-B 4.2KW - 8.0 KW

CÁC LOẠI MÁY KÉO

MÁY KÉO NIPPON SẢN XUẤT TẠI MALAYSIA



FJD1 3.0KW



FJD1 4.2KW - 8.0 KW

MÁY KÉO SHARP SẢN XUẤT TẠI ẤN ĐỘ



SEG05



SEG10/20

MÁY KÉO ZIEHL ABEGG, SẢN XUẤT TẠI ĐỨC



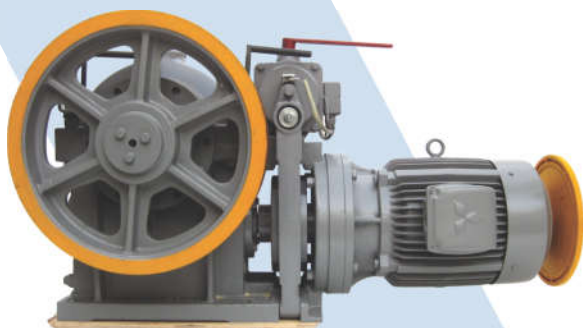
SM200.15C/20C/30C/40C



SM200.40D

CÁC LOẠI MÁY KÉO

MÁY KÉO MOTOR MITSUBISHI, SẢN XUẤT TẠI THÁI LAN



MÁY KÉO TORIN CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



GTW7A



GTW9S



GTW10

MÁY KÉO KDS CÔNG NGHỆ MỸ, SẢN XUẤT TẠI TRUNG QUỐC



Capacity:
450Kg - 2000Kg 2:1

Elevator speed:
1,0m/s - 1,75m/s



Capacity:
320Kg - 1000Kg 2:1

Elevator speed:
0,63m/s - 1,75m/s

SERIES WJC

CÁC PHỤ KIỆN



Ty Treo cáp



Cáp tải
6.5, 8, 10, 12, 16



Xích bù



Giảm chấn đối trọng / Cabin



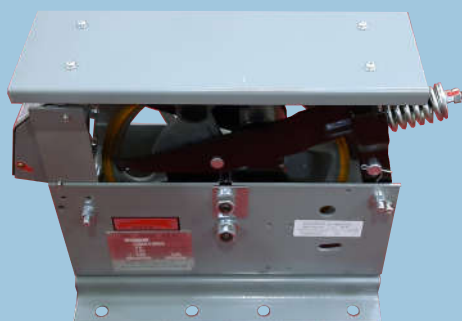
Giảm chấn
khung chân máy kéo



Giảm chấn sàn Cabin

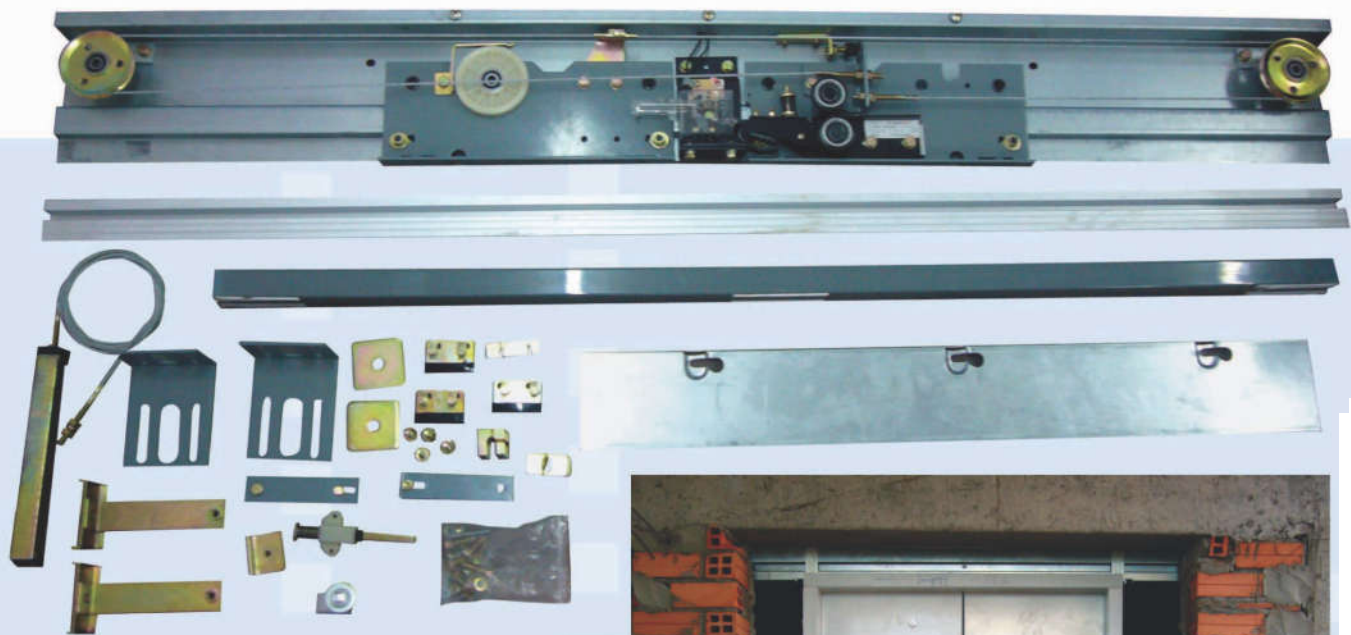


Shoe dẫn hướng đối trọng / Cabin



Bộ chống vượt tốc (Governor)

KHO VẬT TƯ - THIẾT BỊ NGOẠI NHẬP



Đầu cửa ngoại nhập



Đầu Cửa Ngoại Nhập

KHO VẬT TƯ - THIẾT BỊ NGOẠI NHẬP



Kho máy kéo



Bộ đầu cửa tầng



Cảm quang cửa (Photocell nguyên thanh)



Cáp điện di chuyển theo Cabin(Cordon)



Cáp kéo - Korea - Thái Lan - Italy